TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2023/HC-PT
Ngày: 25/8/2023
V/v "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Hòa Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 113/2023/TLPT-HC ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnhĐắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2716/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Trần Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người bị kiện:***

- Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Ngô Thị Minh T - Phó Chủ tịch. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* ông Phan Xuân L – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu B ***và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà*** Trần Thị C ***trình bày:***

Ông Nguyễn Hữu B là công nhân của Công ty chăn nuôi tỉnh Đ (Gọi tắt là Công ty C). Năm 1991, Công ty C có chủ trương bán thanh lý vườn cây cho mỗi cán bộ, công nhân viên là 2.000m^2 đất; do bà Phạm Thị T1 không có tiền nên nhượng lại cho ông B mua, vì vậy ông B được mua 02 suất với diện tích đất 4.000m^2. Tài sản trên đất là cây cà phê được Công ty trồng từ năm 1991 cho đến nay và 01 cái bể xây diện tích 75m^2 để chứa rác thải chăn nuôi.

Sau khi mua thanh lý vườn cây, các hộ ký Hợp đồng liên kết với Công ty C để thực hiện nộp thuế nông nghiệp cho nhà nước; Công ty C có thu thêm một khoản phí quản lý nhằm duy trì hoạt động của Công ty.

Năm 2009, UBND tỉnh thu hồi toàn bộ diện tích đất của Công ty C để giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; tuy nhiên, do người dân không đồng ý nên vào năm 2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1644/QĐ-UBND để thu hồi toàn bộ diện tích đất của Công ty chăn nuôi giao cho UBND huyện K quản lý và tiếp tục giao lại cho người dân đang sản xuất trên diện tích đất của mình.

Năm 2010, thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc đăng ký, kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; UBND xã H và UBND huyện K đã tiến hành lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 172 hồ sơ (theo Báo cáo số 63/BC-UBND ngày 13/10/2021 của UBND xã H); riêng hộ ông B không được kê khai, đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Không đồng ý với quy trình, cách thức của UBND xã H và của UBND huyện K, nên ngày 17/10/2012 ông B đã làm đơn khiếu nại. Ngày 14/11/2012, Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 112/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của gia đình ông B với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại về yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông B.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã H nên ông B đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện K. Ngày 07/7/2022, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 2569/QĐ-UBND về việc quyết khiếu nại lần hai. Tại mục 1.3 của Quyết định: Không chấp nhận yêu cầu của gia đình ông B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.000m^2 thuộc một phần thửa đất số 47, tờ bản đồ 05, xã H cho gia đình ông B mà phải chờ lập phương án sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền phê

duyệt mới đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông B là không đúng quy định, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình ông B.

Căn cứ mục a, khoản 10, Điều 6 của Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển các Nông trường Quốc doanh; Điều 16; các khoản 2, 3, 5, 6, 8 Điều 18 của Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất, xây dựng hoặc điều chỉnh, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với N, Lâm trường Quốc doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Điều 2 của Quyết định số 1644/QĐUBND ngày 05/7/2010 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 638.615m^2 đất của Công ty C (cũ) tại xã H giao cho UBND huyện K quản lý theo Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật thì gia đình ông B phải được UBND cấp huyện ban hành Quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất hợp đồng liên kết với Công ty C;

Do đó, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Hủy Mục 1.3, Điều 1, Quyết định số 2569/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyên Hữu B1. Buộc UBND huyện K phải ban hành Quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 4.000m^2 thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 05 xã H của gia đình ông B1 theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Theo Báo cáo của Đoàn xác minh 3940 tại Văn bản số 282/BC-ĐXM ngày 15/6/2022 về kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Hữu B thể hiện: Ông Nguyễn Hữu B là công nhân của Công ty chăn nuôi tỉnh Đ; ngày 19/10/1998 hộ ông B có ký Hợp đồng liên kết trồng cà phê với Công ty diện tích là 4.000m^2 (phần diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 13.323,6m^2 đất của Công ty chăn nuôi tỉnh Đ);

Vào năm 2006, Công ty chăn nuôi tỉnh Đ nộp hồ sơ đến Tòa án tỉnh Đắk Lắk xin được lập thủ tục phá sản theo quy định;

Trong quá trình thực hiện việc thu hồi đất thì UBND tỉnh thu hồi toàn bộ diện tích đất của Công ty C giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý; tuy nhiên, do người dân không đồng ý nên vào năm 2010, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 về việc: Thu hồi 638.815m^2 đất của Công ty C (cũ) tại km 15, xã H, huyện K, giao cho UBND huyện K quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của Pháp luật (Quyết định số 1644/QĐ-UBND thay thế các Quyết định số 618/QĐ-UBND; Quyết định số 2172/QĐ-UBND; Quyết định số 2526/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ).

Sau khi tiếp nhận diện tích đất thu hồi của Công ty C về địa phương; UBND huyện K đã chỉ đạo UBND xã H tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của các hộ dân đang sản xuất nông nghiệp, liên doanh, liên kết với Công ty C; tổ chức đo đạc chi tiết để tham mưu UBND huyện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, quy định của pháp luật; đồng thời thực hiện việc thanh toán cho Tổ quản lý tài sản của công ty với số tiền 355.517.471 đồng theo ủy nhiệm chi số 01, ngày 08/10/2010, tại Kho bạc Nhà nước K.

Theo Báo cáo số 63/BC-UBND, ngày 13/10/2021 của UBND xã H: *Vào năm 2010, UBND xã đã cho kê khai tập trung và trình* UBND huyện K *cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu dân cư* thôn H. *Tổng số đã kê khai năm 2010 là: 172 hồ sơ; trong đó, kê khai đất thổ cư 142 hồ sơ với tổng diện tích 542.483m^2 (đất ở 57.133m^2, đất trồng cây lâu năm 485.350m^2); đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 30 hồ sơ với tổng diện tích 83.240m^2; toàn bộ diện tích đất các hộ dân đã đóng tiền chuyển mục đích sử dụng đất ở, phí và lệ phí theo quy định của Pháp luật. Hiện tại còn 03 hộ đang sử dụng đất (được xác định là đất chuyên dùng theo Tờ trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất* huyện K *lập ngày 13/11/2012 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ địa chính số 05, có diện tích 13.323,6m^2 mục đích sử dụng là đất chuyên dùng) nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Ông* Nguyễn Hữu B*, có sổ Hợp đồng liên kết ký ngày 19/10/1998 với diện tích 4000m2; Bà* Phạm Thị T2 *với diện tích 800 m2; Ông* Phạm Trung B2 *với diện tích 1.200 m2);*

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy: Trong quá trình lập thủ tục phá sản đối với Công ty chăn nuôi tỉnh Đ, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức làm việc với 03 hộ dân (trong đó có hộ ông B); nội dung làm việc có liên quan đến diện tích của thửa đất này; kết quả làm việc được ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 21/8/2008 và ngày 18/12/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại thời điểm này, đối với diện tích 13.323,6m^2 của Công ty chăn nuôi tỉnh Đ (trong đó có diện tích 4.000m^2 đất của ông Nguyễn Hữu B đang khởi kiện) chưa được UBND tỉnh Đ phê duyệt phương án sử dụng đất; do đó, chưa đủ điều kiện để UBND huyện tiếp tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu B. Vì vậy, việc ông Nguyễn Hữu B yêu cầu UBND huyện K tiếp tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không thể thực hiện.

Đối với yêu cầu của người khởi kiện thì đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã H, huyện K *đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ liên quan đối với yêu cầu của người khởi kiện*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 48 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu B về việc: Tuyên hủy Mục 1.3, Điều 1, Quyết định số 2569/QĐ-UBND, ngày 07/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu B và buộc Ủy ban nhân dân huyện K thực hiện hành vi ban hành quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Hữu B đối với phần diện tích 4.000m^2 thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ 05 tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2023, ông Nguyễn Hữu B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông.

Tại phiên tòa:

-Người khởi kiện và đại diện ủy quyền người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có yêu cầu giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B; giữ nguyên quyết địnhcủa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B; nhận thấy:

[1.1].Về nguồn gốc đất: Ông B là công nhân của Công ty C; nguồn gốc diện tích 4.000m^2 ông đang sử dụng là gia đình ông mua thanh lý vườn cây của Công ty C vào năm 1991, là một phần trong tổng diện tích 663.815m^2 được UBND tỉnh Đ giao cho Công ty C. Ngày 05/7/2010, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1644/QĐ-UBND, thu hồi 638.815m^2 đất của Công ty chăn nuôi

giao cho UBND huyện K quản lý và tiếp tục giao lại cho người dân đang sản xuất trên diện tích đó sử dụng.

Năm 2010, thực hiện chủ trương của Nhà nước về đăng ký, kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; UBND xã H và UBND huyện K đã tiến hành lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 172 hộ có nguồn gốc ký hợp đồng liên kết với Công ty chăn nuôi tỉnh Đ; riêng hộ ông B và 2 hộ còn lại không được kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì diện tích đất của ông B đang sử dụng nằm trong quy hoạch đất chuyên dùng (đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp). Mặt khác tại Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện K về giải quyết khiếu của ông Nguyễn Hữu B (lần hai) cũng nêu rõ*:* Phòng T *phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan; căn cứ khoản 2 Điều 8 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT Quy định việc lập phương án sử dụng đất; lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạt, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất, giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất với* Công ty N1 *,lâm nghiệp .... để tham mưu UBND huyện lập phương án sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi của* N*, Lâm trường; trong đó bao gồm đất của ông* Nguyễn Hữu B *... trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ...*

Như vậy, tại thời điểm UBND huyện K giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Hữu B, diện tích đất ông B đang sử dụng và yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang là quy hoạch đất chuyên dùng, chưa được UBND tỉnh Đ phê duyệt phương án sử dụng đất, nên chưa đủ điều kiện để UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của UBND huyện K trình bày diện tích đất mà ông B yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay đã quy hoạch tuyến tránh đường phía Đông thành phố B và đang triển khai. Do đó án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Ông B là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông B kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Hữu B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Hữu B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND Đăk Lăk;
- Cục THADS Đăk Lăk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tào